

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN VẬN TẢI THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH PHAT TRANSPORT DEVELOPMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110586940

3. Ngày thành lập: 29/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Nghĩa Hảo, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969 626 466 / 0973 106 009 Fax:

Email: thinhphat23@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác xuất, nhập khẩu	8299
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ - Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Lập hồ sơ mời thầu	7110
19.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
25.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
27.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
28.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
29.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
30.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

31.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
32.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
33.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
34.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
38.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
40.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
41.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933(Chính)
46.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
47.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224

53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
55.	Bưu chính	5310
56.	Chuyển phát	5320
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
61.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
62.	Xây dựng công trình điện	4221
63.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
64.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
65.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
68.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
70.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
71.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
72.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
73.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
74.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU	Việt Nam	Thôn Nghĩa Hào, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.600.000.000	60,000	038184048914	

2	HOÀNG VĂN TỰ	Việt Nam	Thôn Nghĩa Hảo, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	40,000	001080037215	
---	-----------------	-------------	---	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184048914

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nghĩa Hảo, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nghĩa Hảo, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội